

Số: 18 /2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017

của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 5 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1589/TTr-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2017 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 107/BC-STP ngày 21 tháng 4 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về đối tượng thu, nộp, mức thu và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

b) Cơ quan thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ủy quyền thực hiện việc thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức thu phí

1. Trường hợp thẩm định lần đầu

a) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nhóm	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)				
	Nhỏ hơn hoặc bằng 50	Trên 50 đến 100	Trên 100 đến 200	Trên 200 đến 500	Trên 500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

Trường hợp dự án có từ 02 nhóm công trình trở lên thì mức thu phí ở nhóm dự án có mức thu cao nhất.

b) Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung:

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức thu phí (triệu đồng)
Nhỏ hơn hoặc bằng 50	5,0
Trên 50 đến 100	6,0
Trên 100 đến 200	10,8
Trên 200 đến 500	12,0
Trên 500	15,6

2. Trường hợp thẩm định lại

Mức thu phí bằng 50% mức thu của trường hợp thẩm định lần đầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Kê khai, thu, nộp và quản lý phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Cơ quan thu phí chịu trách nhiệm

a) Tổ chức thu, nộp phí theo quy định. Khi thu phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành.

b) Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào

tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán theo quy định của pháp luật.

c) Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 221/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh249).



Trần Ngọc Căng